TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1473/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Bà Bùi Thị Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1830/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1157/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 1691/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm: 1985
Thường trú: 414 Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
Cư trú: Nhà không số (kế bên số 96) đường V, khu phố X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Thanh D, sinh năm: 1984
Thường trú: 414 Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
Cư trú: Nhà không số (kế bên số 96) đường V, khu phố X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2022 và lời trình bày của bà Võ Thị Thanh T trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm

2010. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, năm 2022 mâu thuẫn trở nên gay gắt nguyên nhân do ông D thiếu trách nhiệm với vợ con, có thời gian ông D ham chơi nên bà phải nhiều lần trả nợ thay cho ông D. Bà đã nhiều lần cho ông D cơ hội để sửa chữa nhưng ông D không thay đổi. Vì vậy, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Thanh D.

Về con chung: Bà và ông Trần Thanh D có 02 con chung tên Trần Thanh Thái H, sinh ngày 18/10/2011 và Trần Thanh Thái S, sinh ngày 18/4/2020. Hiện nay các con chung đang sinh sống với bà. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi các con chung.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Thanh D đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Trần Thanh D đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Võ Thị Thanh T được ly hôn ông Trần Thanh D. Giao 02 (hai) con chung Trần Thanh Thái H, sinh ngày 18/10/2011 và Trần Thanh Thái S, sinh ngày 18/4/2020 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi các con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn xin ly hôn của bà Võ Thị Thanh T thì quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Tại thời điểm Toà án thụ lý vụ án, bị đơn có thực tế cư trú tại địa chỉ nhà không số (kế bên số 96) đường 8, khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa, ông Trần Thanh D vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: xét, bà Võ Thị Thanh T và ông Trần Thanh D có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01 ngày 20/8/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông D không đến Tòa để tham gia và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông D đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Căn cứ vào kết quả xác minh do Công an phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức cung cấp thì "Đương sự Trần Thanh D hiện không còn thực tế cư trú tại địa chỉ Nhà không số (cạnh số 96) đường V, khu phố X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang cư trú tại đâu không rõ, không còn cư trú tại nhà không số (cạnh số 96) đường V, phường X, thành phố Y từ tháng 12 năm 2022". Như vậy ông D đã thay đổi nơi cư trú, mà không thông báo cho cơ quan Công an và gia đình biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt giấy triệu tập cho ông D đến Tòa, để giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải hai lần nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do điều này chứng tỏ ông D không quan tâm đến việc yêu cầu xin ly hôn của bà T, từ đó cho thấy thực tế tình trạng hôn nhân của đôi bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc bà T có đơn yêu cầu được ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời khai của bà T phù hợp với Trích lục khai sinh bản sao số 414/TLKS-BS ngày 11/6/2019 và Trích lục khai sinh bản sao số 313/TLKS – BS ngày 04/5/2020 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp, đủ căn cứ xác định bà T và ông D có hai con chung tên Trần Thanh Thái H, sinh ngày 18/10/2011 và Trần Thanh Thái S, sinh ngày 18/4/2020. Theo bà T thì hiện tại các con đang sống chung với bà ổn định nên bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Căn

cứ bản tự khai ngày 9/12/2021 của trẻ Trần Thanh Thái H, trẻ có nguyện vọng được sống với bà Võ Thị Thanh T.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Ông D đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có văn bản nêu yêu cầu về việc nuôi con. Hiện các con chung đang ở ổn định với bà T, để bảo đảm quyền lợi của các con nên giao các con chung cho bà T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Thanh T không yêu cầu ông Trần Thanh D cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung: Bà Võ Thị Thanh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị Thanh T phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 57 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T;

Bà Võ Thị Thanh T được ly hôn ông Trần Thanh D.

2. Về con chung: Bà Võ Thị Thanh T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Trần Thanh Thái H, sinh ngày 18/10/2011 và Trần Thanh Thái S, sinh ngày 18/4/2020.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Thanh T không yêu cầu ông Trần Thanh D cấp dưỡng nuôi các con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

3. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Võ Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0028013 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Nguyên Hà